

Bản án số: 43 /2017/HNGĐ - ST
Ngày 28 / 12/2017
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Kim Quế

2. Ông Lê Văn Hoan

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà nội.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội(không
tham gia phiên tòa)*

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà nội xét xử công khai vụ án thụ lý số 356/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06 ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị A, sinh năm 1986;

Địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến B, sinh năm 1987;

Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

(Chị A có mặt, anh B vắng mặt lần 2 không có lý do)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị Phan Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến B kết hôn với nhau ngày 15/3/2013 tại UBND xã Q, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội qua tự do tìm hiểu theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai người chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân do trong đời sống hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh B thường xuyên rượu chè, không chăm chỉ làm ăn. Chị A đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ 8/2017 cho đến nay, vợ chồng cũng sống ly thân. Nay chị A

xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

- Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Tiến M, sinh ngày 15/02/2014, hiện nay cháu đang ở với chị A. Nguyên vọng của chị A xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Chị Phan Thị A trình bày chị hiện đang công tác tại trường Mầm non xã V với mức lương hàng tháng 5.000.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) (có xác nhận của Hiệu trưởng trường Mầm non xã V), nên có đủ điều kiện nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: không có

Bị đơn anh Nguyễn Tiến B trình bày: Anh kết hôn với chị Phan Thị A ngày 15/3/2013 tại UBND xã Q, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội qua tự do tìm hiểu theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai người chung sống với nhau hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong đời sống hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, chị A nhiều lần cãi vã với mẹ chồng. Chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 9/2017 cho đến nay. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên nguyên vọng của anh là hai vợ chồng đoàn tụ để chung sức nuôi con. Nếu chị A kiên quyết muốn ly hôn thì phải giao con cho anh nuôi thì anh đồng ý ly hôn.

-Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Tiến M, sinh ngày 15/02/2014, hiện nay cháu đang ở với chị A. Nguyên vọng của anh B là được nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

Anh B trình bày hiện mình đang làm thợ xây ở Hà Nội, có thu nhập trung bình hàng tháng là 8.000.000đ (Tám triệu đồng chẵn) nên có đủ điều kiện để nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: không có.

Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải hai lần nhưng anh Nguyễn Tiến B vắng mặt không có lý do. Vì vậy Toà án tiến hành lập biên bản không hoà giải được để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị Phan Thị A vẫn giữ nguyên quan điểm. Anh Nguyễn Tiến B được triệu tập lần 2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Về hôn nhân: Chị Phan Thị A và anh Nguyễn Tiến B là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh B và chị A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính cách, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ tháng 8 năm 2017 đến nay, chị A và anh B sống ly thân. Nguyên vọng chị A xin được ly hôn, anh B xin đoàn tụ nếu chị A cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý với điều kiện phải giao con anh nuôi. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B vắng mặt nhiều lần trong các phiên hòa

giải, cho thấy sự bất hợp tác trong tiến hành hòa giải để đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nhận thấy: chị Phan Thị A và anh Nguyễn Tiến B chung sống không hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị A.

- *Về con chung*: có 1 con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 15/02/2014. Hiện cháu đang ở với chị A. Cả chị A và anh B đều trình bày nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi chung. Chị A trình bày chị hiện đang công tác tại trường Mầm non xã V với mức lương một tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn) (có xác nhận của Hiệu trưởng trường Mầm non xã V). Về phía anh B trình bày hiện anh đang làm thợ xây ở Hà Nội, có thu nhập trung bình hàng tháng là 8.000.000đ (Tám triệu đồng chẵn) . Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị A và anh B đều chính đáng, nhưng HĐXX thấy hiện nay cháu Nguyễn Tiến M đang ở ổn định với chị A, mặt khác chị A có nơi làm việc và thu nhập ổn định, lại là giáo viên mầm non nên có nhiều điều kiện thuận lợi để nuôi dưỡng và giáo dục cháu M, do đó yêu cầu nuôi con chung của chị A là có cơ sở.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung*: không có. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phan Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị A.

Xử : Cho chị Phan Thị A được ly hôn anh Nguyễn Tiến B.

- *Về con chung*: có 01 chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 15/02/2014. Giao cháu Nguyễn Tiến M cho chị Phan Thị A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Tiến B cho đến khi chị A có yêu cầu hoặc thay đổi khác.

Anh Nguyễn Tiến B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung*: không có

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Phan Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đ tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0008010 ngày 04 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Phan Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tiến B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- UBND xã Q
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thu Hương